TÒA ÁN ND HUYỆN TRIỆU SƠN **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2024/HS-ST
Ngày: 28 - 5 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Hữu Thủy và bà Ngô Thị Minh

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Lê Ngọc Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuý - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, mở phiên tòa để xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 26/2024/TLST-HS ngày 26/4/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2024/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 5 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị N, sinh năm: 1989; Nơi ĐKHKTT: Thôn N, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hoá; Nơi ở hiện tại: Phòng 910, tòa nhà H1, chung cư P, phường P, thành phố T; Nghề nghiệp: Kế toán; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Đức H và bà Nguyễn Thị L; Có chồng là Bùi Quang Đ và có 02 con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/5/2023 đến ngày 07/8/2023 thay thế bằng biện pháp bảo lĩnh. Có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Thị L, sinh năm 1982; Nơi cư trú: 06/01 N, P, phường P, thành phố T, tỉnh Thanh Hoá; Nghề nghiệp: Kế toán; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Ngọc L và bà Vũ Thị T; Có chồng là Lương Ngọc T và có 2 con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/5/2023 đến ngày 07/8/2023 thay thế bằng biện pháp bảo lĩnh. Có mặt tại phiên tòa.

3. Lê Thị H1, sinh năm 1967; Nơi thường trú: Phòng 1508 CT3, chung cư X, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hoá; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 10/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Kim V (đã chết) và bà Đỗ Thị Q; Có chồng là Lê Văn K và có 2 con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/6/2023 đến ngày 07/8/2023 thay thế bằng biện pháp bảo lĩnh. Có mặt tại phiên tòa.

4. Nguyễn Dụng H2, sinh năm 1990; Nơi ĐKNKTT: Thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hoá; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Dụng K và bà Nguyễn Thị H; Có vợ là Ngô Thị L và có 02 con. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/6/2023 đến ngày 07/8/2023 thay thế bằng biện pháp bảo lĩnh. Có mặt tại phiên tòa.

5. Lê Thị H3, sinh năm 1963; Nơi cư trú: Số nhà 44, T, phường T, thành phố T, tỉnh Thanh Hoá; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 10/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Tiến D (đã chết) và bà Nguyễn Thị Kim T (đã chết); Có chồng là Nguyễn Ngọc P (đã chết) và có 1 con. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Nguyễn Thị H4, sinh năm 1989, địa chỉ: Thôn 3, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa; Nơi ở: KP K, phường Q, TP. S, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

+ Đặng Nguyệt M, sinh năm 1982, địa chỉ: Số nhà 14/16 P, phường Đ, thành phố T. Có mặt.

+ Công ty công nghệ X

Địa chỉ: Lô 2 khu công nghiệp T, phường Đ, TP. T, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo pháp luật: Nguyễn Dụng H2 - Giám đốc

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hoá. Có mặt.

+ Công ty TNHH thương mại và dịch vụ T

Địa chỉ: Đ 3, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo pháp luật: Nguyễn Thị N - Giám đốc

Địa chỉ: Phòng 910, tòa nhà H1, chung cư P, phường P, thành phố T. Có mặt.

+ Công ty TNHH thương mại và dịch vụ G

Người đại diện theo pháp luật: Lê Hữu H5 - Giám đốc

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

+ Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ và vận tải N

Người đại diện theo pháp luật: Nguyễn Hoài N - Giám đốc.

Cùng địa chỉ: Khu 6, thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 3 năm 2022, Đặng Nguyệt M làm thủ tục thành lập Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng thương mại và vận tải H (gọi tắt là Công ty H), có trụ sở tại tổ dân phố 4, thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Giám đốc - người đại diện theo pháp luật của Công ty là bà Nguyễn Thị H4, sinh năm 1989, địa chỉ: Thôn 3, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa, Đặng Nguyệt M là kế toán; Công ty đăng ký hoạt động trên lĩnh vực xây dựng, thương mại, dịch vụ; Bà Nguyễn Thị H4 đứng tên giám đốc nhưng không phải là người đi đăng ký thành lập Công ty, không biết sự tồn tại của Công ty H, (M khai, M nhặt được chứng minh thư nhân dân của Nguyễn Thị H4 tại quán phô tô và sử dụng chứng minh thư nhân dân này làm thủ tục đăng ký thành lập Công ty H), mọi hoạt động của Công ty là do Đặng Nguyệt M quản lý (quản lý số điện thoại liên hệ của Công ty, tài khoản ngân hàng và USB token hóa đơn điện tử), Công ty không có hoạt động sản xuất kinh doanh, không có kho hàng, bến bãi, không có văn phòng hoạt động tại tổ dân phố 4, thị trấn T. Mục đích Đặng Nguyệt M thành lập Công ty H để mua bán trái phép hóa đơn giá trị gia tăng nhằm thu lợi bất chính.

Để thực hiện hành vi Đặng Nguyệt M bàn bạc cùng với Nguyễn Thị N và Nguyễn Thị L (đều là kế toán) thực hiện hành vi mua bán hóa đơn giá trị gia tăng để cùng chia nhau khoản thu lợi từ 4 đến 5% giá trị tiền hàng trước thuế, một số trường hợp qua nhiều trung gian và tùy thời điểm thí lấy phí 1,2% giá trị tiền hàng trước thuế. Số tiền này được M, N, L sử dụng chung. Đặng Nguyệt M và Nguyễn Thị N chủ động liên hệ để tìm kiếm khách hàng có nhu cầu mua bán hóa đơn và cùng Nguyễn Thị L tổng hợp, thực hiện thủ tục xuất hóa đơn cho khách.

Nguyễn Thị N thông qua Lê Thị H1, là người kinh doanh văn phòng phẩm ở thành phố T để bán hóa đơn; Lê Thị H1 trực tiếp liên hệ bán hóa đơn cho khách hoặc thông qua Lê Thị H3 (là bạn cùng bán sách, văn phòng phẩm với Lê Thị H1) bán hóa đơn. Do một số cơ quan đơn vị mua văn phòng phẩm muốn xuất hóa đơn giá trị gia tăng để làm chứng từ thanh toán nhưng Thanh H3 không xuất được hóa đơn nên liên hệ với Lê Thị H1 để nhờ mua hóa đơn giá trị gia tăng.

Lê Thị H3 sử dụng tài khoản zalo đăng ký bằng số điện thoại 0904 498 557 và số 0916 396 236 để liên lạc với Lê Thị H1 qua tài khoản zalo "Lê H1", đăng ký bằng số điện thoại 0389 311 577 để liên lạc trao đổi về việc mua bán hóa đơn.

Khi khách hàng có nhu cầu xuất hóa đơn giá trị gia tăng thì Lê Thị H1 liên lạc với N qua zalo hoặc telegram đăng ký bằng số điện thoại 0977 255 323 của Nguyễn Thị N để thông tin về loại mặt hàng, giá tiền, tên cơ quan, đơn vị cần mua hóa đơn. N sẽ chuyển thông tin trên cho M qua zalo tên "Nguyệt M" đăng ký bằng số điện thoại 0978 360 999 và tài khoản telegram cũng được đăng ký bằng số điện thoại trên hoặc M tự xem trên máy tính (máy tính của M có đăng nhập zalo, telegram của N), sau đó cả hai cùng bàn bạc thống nhất có xuất hóa đơn hay không. Nếu thống nhất xuất bán thì M, N hoặc liên sẽ dùng phần mềm nhập hóa đơn điện tử "nháp" trước, xuất ra file PDF rồi chuyển lại cho N để N chuyển cho Lê Thị H1 gửi cho khách hàng xem trước. Sau khi khách hàng mua thống nhất chuyển tiền vào tài khoản Công ty thì M mới xuất hóa đơn điện tử chính thức và đăng ký mã số thuế với cơ quan thuế rồi gửi lại cho N, N gửi cho Lê Thị H1 để H1 gửi cho khách hàng.

Đối với số tiền khách chuyển sau khi trừ phí bán hóa đơn, M dùng tài khoản cá nhân chuyển lại cho cho Lê Thị H1, H1 tiếp tục trừ phí của H1 từ 0,2 - 0,5% giá trị tiền hàng trước thuế rồi chuyển trả cho khách, một số trường hợp số tiền lớn thì Lê Thị H1 thu phí trước và chuyển cho N, N chuyển cho M cũng có trường hợp trực tiếp đưa tiền mặt cho Lê Thị H1 thì H1 thu tiền mặt và chuyển cho N.

Đối với những hóa đơn do Lê Thị H3 liên hệ thì Lê Thị H1 chuyển tiền lại cho Lê Thị H3 Thanh H3 trừ phí bằng 0,5% giá trị tiền hàng trước thuế rồi chuyển trả lại cho khách.

Quá trình điều tra xác định các bị cáo đã xuất bán trái phép hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty H và một số Công ty khác, cụ thể như sau:

1. Công ty H: Tổng số hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty H mà M, N, L đã bán trái phép là 97 số hóa đơn ghi nội dung trong đó thông qua Lê Thị H1 để bán 64 số hóa đơn, trong số hóa đơn của Công ty H do Lê Thị H1 bán thì có 18 số hóa đơn là Lê Thị H3 liên hệ với khách. Số hóa đơn còn lại là do M, N tự liên hệ và qua trung gian khác không rõ lai lịch để bán, với tổng số tiền hàng chưa thuế ghi trên 97 số hóa đơn giá trị gia tăng là 8.895.130.002đ, tiền thuế giá trị gia tăng 889.513.000đ thu lời bất chính số tiền 139.426.063đ

2. Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ và vận tải N (gọi tắt là Công ty N).

Công ty N đăng ký thành lập lần đầu ngày 15/02/2023, địa chỉ theo giấy phép đăng ký kinh doanh là khu 6, thị trấn T, huyện T, do Nguyễn Hoài N làm giám đốc; Lĩnh lực kinh doanh của Công ty là vận tải, kinh doanh vật liệu xây dựng, loa đài... nhưng thực tế không có hoạt động sản xuất kinh doanh, Nguyễn Hoài N chỉ giữ đăng ký kinh doanh và dấu của Công ty N, còn USB token, tài khoản ngân hàng do N quản lý, sử dụng, mục đích để mua bán hóa đơn gia trị gia tăng. Công ty N do Nguyễn Thị N là kế toán nội bộ, Đặng Nguyệt M là kế toán thuế. Nguyễn Thị N và Nguyễn Hoài N có mối quan hệ họ hàng nên N tin tưởng N đưa căn cước công dân của N cho N để đăng ký thành lập Công ty, không biết việc N sử dụng danh nghĩa Công ty để mua bán hóa đơn giá trị gia tăng, không hưởng lợi từ hành vi bán hóa đơn gia trị gia tăng từ các bị cáo. Tổng cộng các bị cáo M, N và L đã xuất bán 05 số hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty N, Trong đó thông qua Lê Thị H1 để bán 04 số hóa đơn gia trị gia tăng; Lê Thị H1 thông qua Lê Thị H3 bán 02 số. Các hóa đơn giá trị gia tăng đều không có hàng hóa, dịch vụ đi kèm. Với tổng số tiền hàng chưa thuế là 89.579.367đ, tiền thuế giá trị gia tăng 8.957.937đ, thu lời bất chính số tiền 3.732.319đ

3. Công ty công nghệ X: Đăng ký thành lập lần đầu ngày 25/3/2022, địa chỉ trụ sở tại lô 2, khu công nghiệp T, phường Đ, thành phố T. Công ty do Nguyễn Dụng H2 làm giám đốc, Nguyễn Thị N là kế toán nội bộ, Đặng Nguyệt M là kế toán thuế của Công ty. USB token chữ ký số của Công ty X do M và N quản lý. Công ty hoạt động trên lĩnh vực cơ khí chính xác, chế tạo khung cửa, mạ sơn, băng rôn, ma két, in ấn. Công ty X có nhà xưởng, có hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng do khó khăn trong quá trình xét duyệt vay vốn, Ngân hàng yêu cầu Công ty phải có doanh thu phù hợp nên Nguyễn Dụng H2 đã đồng ý cho M và N xuất bán hóa đơn giá trị gia tăng không có hàng hóa đi kèm để tăng doanh thu, H2 không được hưởng lợi từ việc bán hóa đơn. Khi khách chuyển tiền vào tài khoản Công ty X do H2 quản lý thì H2 sẽ chuyển tiền vào tài khoản cá nhân rồi chuyển toàn bộ lại cho N, N trích phần trăm phí rồi chuyển lai cho H1 và Thanh H3 (đối với những trường hợp do H1, Thanh H3 làm trung gian) hoặc tự mình chuyển lại cho khách đối với những khách do M, N trực tiếp liên hệ.

Tổng cộng các bị cáo M, N và L đã xuất bán 133 số hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty X không có hàng hóa, dịch vụ, (năm 2022 là 76 số hóa đơn; năm 2023 là 57 số hóa đơn) trong đó Lê Thị H1 làm trung gian 65 hóa đơn (năm 2022 là 42 số và năm 2023 là 23 số), Lê Thị H1 thông qua Lê Thị H3 làm trung gian xuất bán 14 hóa đơn, với tổng số tiền hàng chưa thuế là 2.173.146.077đ, tiền thuế giá trị gia tăng 217.678.258đ, thu lời bất chính số tiền 30.944.406đ

4. Công ty TNHH thương mại và dịch vụ G (gọi tắt Công ty G). Được thành lập lần đầu ngày 13/9/2022, trụ sở tại thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, do Lê Hữu H5 làm giám đốc, kinh doanh trên lĩnh vực may túi xuất khẩu, có trụ sở hoạt động và hoạt động sản xuất kinh doanh, Nguyễn Thị N làm kế toán nội bộ, Đặng Nguyệt M làm kế toán thuế. M và N quản lý USB token chữ ký số, tài khoản hóa đơn điện tử của Công ty. Khi có khách mua hóa đơn liên quan đến hàng hóa thuộc lĩnh vực hoạt động của Công ty thì M, N, L sẽ xuất hóa đơn khống cho khách hàng, khách hàng chuyển khoản đến tài khoản của Công ty thì N nói với giám đốc là tiền của N rồi bảo giám đốc chuyển lại cho N để trả cho khách. Hùng không biết và không được hưởng lợi từ việc mua bán hóa đơn.

Tổng cộng các bị cáo M, N và L đã xuất bán 14 số hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty G không có hàng hóa, dịch vụ, trong đó Lê Thị H1 làm trung gian 12 hóa đơn, Lê Thị H1 thông qua Lê Thị H3 làm trung gian xuất bán 4 hóa đơn, với tổng số tiền hàng chưa thuế là 117.941.815đ, tiền thuế giá trị gia tăng 11.794.182đ , thu lời bất chính số tiền 3.183.781đ

5. Công ty TNHH thương mại dịch vụ T (Công ty T). Đăng ký thành lập ngày 20/9/2021, địa chỉ tại: Đ 3, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa, do Nguyễn Thị N làm giám đốc. Công ty kinh doanh các mặt hàng như que hàn đá, đá cắt, sơn, sắt thép, xi măng, Công ty T do Nguyễn Thị N và Nguyễn Thị L quản lý, N, L liên hệ với các đơn vị để mua hàng hóa, sau đó bán lại cho các doanh nghiệp khác và khách lẻ (kiểm tra thực tế Công ty có cửa hàng, có trụ sở đúng địa chỉ trụ sở đăng ký kinh doanh), trường hợp bán cho khách lẻ, khách hàng không cần lấy hóa đơn giá trị gia tăng, nên Công ty T thừa hóa đơn giá trị gia tăng đầu ra, khi khách hàng có nhu cầu mua hóa đơn giá trị gia tăng liên quan đến mặt hàng Công ty T kinh doanh thì N, L trực tiếp liên hệ với khách để xuất cho các doanh nghiệp có nhu cầu. Các đối tượng mua hóa đơn của Công ty T thường liên hệ trực tiếp với N, L và khách hàng đều là doanh nghiệp nên sau khi khách hàng thỏa thuận thống nhất việc mua hóa đơn, đối với hóa đơn có giá trị trên 20.000.000đ thì N, L sẽ đưa tiền mặt cho M nộp vào tài khoản Công ty mua hóa đơn, sau đó Công ty mua hóa đơn sẽ chuyển khoản vào tài khoản của Công ty mua hóa đơn, sau đó Công ty mua hóa đơn sẽ chuyển khoản vào tài khoản của Công ty T để hợp thức hóa việc mua bán hóa đơn. Sau khi xuất hóa đơn thì bên mua hóa đơn sẽ làm các hợp đồng, chứng từ qua trung gian gặp N, L để ký, đóng dấu hợp đồng kinh tế, phí bán hóa đơn sẽ được thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt. Các đối tượng mua hóa đơn là các đối tượng trung gian, không xác định được lai lịch.

Tổng cộng N và L đã bán 21 hóa đơn giá trị gia tăng không có hàng hóa của Công ty T, trong đó N bán 11 hóa đơn, L bán 10 hóa đơn, với tổng số tiền

hàng chưa thuế là 469.351.500đ tiền thuế giá trị gia tăng 46.935.150đ, thu lời bất chính số tiền 5.400.000đ.

Như vậy, tổng cộng M, N, L đã bán 249 hóa đơn GTGT không có hàng hóa kèm theo, thu lợi bất chính tổng số tiền 177.286.569đ. Trong đó, Lê Thị H1 làm trung gian bán 145 hóa đơn GTGT, thu lợi bất chính 12.621.838đ. Trong số hóa đơn Lê Thị H1 làm trung gian thì thông qua Lê Thị H3 bán 38 hóa đơn GTGT, thu lợi bất chính số tiền 4.165.341 đồng. Nguyễn Dụng H2 giúp sức bán 133 hóa đơn GTGT của Công ty X, H2 không được hưởng lợi. Ngoài ra, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị L trực tiếp xuất bán 21 hóa đơn GTGT của Công ty T, thu lợi bất chính 5.400.000đ.

Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định phục hồi dữ liệu 5 điện thoại di động đã thu giữ gồm: 01 điện thoại Iphone 7 plus màu đen của Lê Thị H1; 01 điện thoại Iphone 11 promax của Nguyễn Thị L; 01 điện Iphone 7 màu vàng của Nguyễn Dụng H2; 01 điện thoại Samsung galaxy ZFlip 4 của Nguyễn Thị N; 01 điện thoại Nokia màu đen của Lê Thị H3 và 01 laptop Dell của Nguyễn Thị N.

Tại bản Kết luận giám định số 4037/KL-KTHS ngày 03/11/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận: Tìm thấy lịch sử cuộc gọi, tin nhắn SMS, tin nhắn Mesenger, ảnh và tín nhắn Zalo đã xóa trong các mẫu vật gửi giám định. Qua kiểm tra thể hiện việc liên lạc giữa các bị cáo và đối tượng liên quan trong việc mua bán trái phép hóa đơn.

* Vật chứng vụ án: 01 phong bì niêm phong bên trong là 05 điện thoại di động đã qua sử dụng, 01 laptop đã qua sử dụng; 02 dấu tên giám đốc Nguyễn Hoài N; 01 dấu tên giám đốc Lê Hữu H5; 02 dấu tên giám đốc Nguyễn Dụng H2; 4 USB token của các Công ty X, Công ty G, Công ty T và Công ty N; 02 dấu tròn Công ty X; 02 dấu tròn Công ty N; 01 dấu tròn Công ty G; 01 chứng minh nhân dân của Nguyễn Thị H4.

Số tiền 11.500.000đ thu giữ của Nguyễn Thị N.

* Cáo trạng số 41/CT - VKS - TS, ngày 26/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa truy tố: Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị L về tội "Mua bán trái phép hóa đơn" quy định tại điểm d, đ khoản 2 Điều 203 BLHS; Lê Thị H1, Nguyễn Dụng H2, Lê Thị H3 về tội "Mua bán trái phép hóa đơn" quy định tại điểm d khoản 2 Điều 203 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị HĐXX.

Tuyên bố: Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị L, Lê Thị H1, Nguyễn Dụng H2, Lê Thị H3 về tội "Mua bán trái phép hóa đơn: theo Điều 203 Bộ luật hình sự.

Về hình phạt:

+ Áp dụng điểm d, đ khoản 2, 3 Điều 203, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N từ 18 tháng đến 20 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Phạt bổ sung bị cáo từ 15 triệu đồng đến 20 triệu đồng.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L từ 18 tháng đến 20 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Phạt bổ sung bị cáo từ 15 triệu đồng đến 20 triệu đồng.

+ Áp dụng điểm d khoản 2, 3 Điều 203, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Lê Thị H1 từ 17 tháng đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Phạt bổ sung bị cáo từ 12 triệu đồng đến 15 triệu đồng.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Dụng H2 từ 15 tháng đến 16 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Phạt bổ sung bị cáo từ 12 triệu đồng đến 15 triệu đồng.

+ Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 35 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Thị H3: Từ 210 triệu đồng đến 220 triệu đồng.

Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, khoản 2 Điều 106 BLTTHS.

- Tịch thu phát mại sung ngân sách Nhà nước 05 điện thoại di động đã qua sử dụng của Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị N, Lê Thị H1, Lê Thị H3 và Nguyễn Dụng H2, 01 laptop đã qua sử dụng của Đặng Nguyệt M.

- Tịch thu tiêu hủy 02 dấu tên giám đốc Nguyễn Hoài N; 01 dấu tên giám đốc Lê Hữu H5; 02 dấu tên giám đốc Nguyễn Dụng H2 do liên quan đến hành vi phạm tội

- Trả lại cho 4 USB token của các Công ty X, Công ty G, Công ty T và Công ty N; 02 dấu tròn Công ty X; 02 dấu tròn Công ty N; 01 dấu tròn Công ty G cho chủ sở hữu; 01 chứng minh nhân dân của Nguyễn Thị H4.

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 11.500.000đ thu giữ của Nguyễn Thị N để đảm bảo cho việc thi hành án.

Truy thu của Nguyễn Thị N số tiền thu lời bất chính là 63.328.632đ.

Truy thu của Nguyễn Thị L số tiền thu lời bất chính là 63.328.632đ.

Truy thu số tiền thu lời bất chính của Lê Thị H1 12.621.838đ.

Truy thu số tiền thu lời bất chính của Lê Thị H3 4.165.341đ.

- Tiếp tục tạm giữ số tiền của các bị cáo đã nộp tại Chi cục Thi hành án huyện Triệu Sơn để đảm bảo cho việc thi hành án.

Buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Tại phiên tòa các bị cáo đều nhận tội và không có ý kiến tranh luận đối với Viện kiểm sát, lời nói sau cùng các bị cáo đều mong HĐXX cho hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố thực hiện đều đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận: Do có mục đích vụ lợi nên Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị L, Lê Thị H1, Lê Thị H3 đã thực hiện hành vi mua bán hóa đơn giá trị gia tăng không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo nhằm hưởng lợi bất chính, cụ thể:

- Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị L, Đặng Nguyệt M đồng phạm với nhau bán 249 hóa đơn giá trị gia tăng không có hàng hóa kèm theo, thu lời bất chính số tiền 177.286.569đ. Ngoài ra, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị L độc lập bán 21 số hóa đơn không có hàng hóa của Công ty T, thu lời bất chính số tiền 5.400.000đ.

- Lê Thị H1 đồng phạm làm trung gian giúp sức cho N, L bán 145 hóa đơn, thu lời bất chính số tiền 12.621.838đ;

- Lê Thị H3 đồng phạm làm trung gian giúp sức cho Lê Thị H1 bán trái phép 38 hóa đơn giá trị gia tăng, thu lời bất chính số tiền 4.165.341đ.

- Nguyễn Dụng H2 làm giám đốc công ty X biết M, N và L bán hóa đơn giá trị gia tăng nhưng vì muốn tăng doanh thu trên tài khoản ngân hàng của Công ty nên đã đồng ý và giúp sức cho M, N, L bán 133 hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty X, H2 không được hưởng lợi.

Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cũng như các chứng cứ, tài liệu khác mà Cơ quan điều tra đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với kết quả xét hỏi và tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Hành vi phạm tội của Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị L đã đủ yếu tố cấu thành "Mua bán trái phép hóa đơn" theo điểm d, đ khoản 2 Điều 203 BLHS; Lê Thị H1, Lê Thị H3, Nguyễn Dụng H2 đã đủ yếu tố cấu thành "Mua bán trái phép hóa đơn" theo điểm d khoản 2 Điều 203 Bộ luật hình sự.

Cáo trạng số 41/CT - VKS - TS, ngày 26/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến chính sách của Nhà nước về quản lý hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước, gây thiệt hại đến lợi ích kinh tế của Nhà nước, gây mất trật tự trị an. Các bị cáo là người có đủ năng chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc mua bán trái phép hóa đơn giá trị gia tăng không có hàng hóa kèm theo là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích tư lợi các bị cáo vẫn cố tình thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy cần xử lý nghiêm để giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Xét vai trò của các bị cáo.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, giữa bị cáo không có sự cấu kết chặt chẽ với nhau.

Bị cáo Nguyễn Thị N là người trực tiếp xuất bán hóa đơn giá trị gia tăng, là người trực tiếp quản lý các USB token chữ ký số và tài khoản hóa đơn điện tử của các Công ty N, Công ty X, Công ty G, ngoài ra còn thành lập Công ty T và xuất bán những hóa đơn giá trị gia tăng còn dư. N là người quyết định việc xuất các hóa đơn giá trị gia tăng không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo nhằm thu lời bất chính, nên N giữ vai trò chính trong vụ án.

Nguyễn Thị L cũng là người cùng N trực tiếp xuất bán hóa đơn giá trị gia tăng không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo của các Công ty N, Công ty X, Công ty G, Công ty T nhằm thu lời bất chính nên đồng phạm với N trong việc mua bán khống hóa đơn giá trị gia tăng của các Công ty trên nên giữ vai trò thứ 2 trong vụ án.

Lê Thị H1 đồng phạm với N, L trong việc bán hóa đơn giá trị gia tăng không có hàng hóa đi kèm nhưng bán ít hơn và thu lời bất chính số tiền ít hơn N, L nên giữ vai trò thứ 3 trong vụ án.

Lê Thị H3 thực hiện hành vi xuất bán hóa đơn giá trị gia tăng trái phép, số lượng hóa đơn bán ra ít nhất và thu lời số tiền ít nên Lê Thị H3 chịu vai trò đồng phạm với các bị cáo và giữ vai trò thứ 4 trong vụ án.

Nguyễn Dụng H2 là giám đốc Công ty X, biết M, N bán hóa đơn của Công ty không có hàng hóa dịch vụ nhưng vì muốn tăng doanh thu trên tài khoản ngân hàng của Công ty nên đã đồng ý và giúp sức cho M, N, L bán 133 hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty X, tuy không hưởng lợi nhưng bị cáo đã giúp sức cho các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nên đồng phạm với các bị cáo.

[5] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của các bị cáo:

- Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

- Về tình tiết giảm nhẹ:

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình, ăn năn hối cải; Các bị cáo N, L, H1, Thanh H3 sau khi phạm tội ra đầu thú, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị L, Lê Thị H1, Lê Thị H3 tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền thu lời bất chính; Lê Thị H1 có mẹ được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng nhì, có đóng góp vào quỹ người nghèo của phường Đ; Nguyễn Thị L có ủng hộ quỹ phòng chống dịch covid năm 2021 được chính quyền địa phương xác nhận, có con hiện đang hưởng chế độ người khuyết tật; Nguyễn Thị N có ủng hộ quỹ phòng chống dịch covid năm 2022 được chính quyền địa phương xác nhận; Lê Thị H3 ủng hội tiền quỹ khuyến học, khuyến tài; Nguyễn Dụng H2 ủng hộ quỹ phòng chống dịch Covid - 19, có ông nội được tặng huân chương kháng chiến hạng nhì, là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào các quy định của Bộ luật hình sự, căn cứ vào tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo. HĐXX thấy rằng:

Đối với bị cáo Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị L và Lê Thị H1 có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, quá trình sống tại địa phương chấp hành tốt các quy định của pháp luật, do đó Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương cũng đủ điều kiện để giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

Đối với Lê Thị H3 và Nguyễn Dụng H2 có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có vai trò thấp trong vụ án. Do đó áp dụng Điều 35 Bộ luật hình sự phạt tiền là hình phạt chính cũng đủ sức răn đe và phòng ngừa đối với các bị cáo.

[7] Về hình phạt bổ sung:

- Áp dụng khoản 3 Điều 203 Bộ luật hình sự phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị L và Lê Thị H1.

- Đối với Lê Thị H3 và Nguyễn Dụng H2 do áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[8] Xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp.

* Vật chứng:

- Tịch thu phát mại sung ngân sách Nhà nước 05 điện thoại di động đã qua sử dụng của Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị N, Lê Thị H1, Lê Thị H3 và Nguyễn Dụng H2, 01 laptop đã qua sử dụng của Đặng Nguyệt M.

- Tịch thu tiêu hủy 02 dấu tên giám đốc Nguyễn Hoài N; 01 dấu tên giám đốc Lê Hữu H5; 02 dấu tên giám đốc Nguyễn Dụng H2 do liên quan đến hành vi phạm tội

- Trả lại cho 4 USB token của các Công ty X, Công ty G, Công ty T và Công ty N; 02 dấu tròn Công ty X; 02 dấu tròn Công ty N; 01 dấu tròn Công ty G cho chủ sở hữu; 01 chứng minh nhân dân của Nguyễn Thị H4.

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 11.500.000đ thu giữ của Nguyễn Thị N để đảm bảo cho việc thi hành án.

* Biện pháp tư pháp.

Ngày 10/5/2024 các bị cáo Nguyễn Thị N đã nộp số tiền 79.000.000đ; Nguyễn Thị L đã nộp số tiền 79.000.000đ; Lê Thị H1 đã nộp số tiền 27.621.838đ; Lê Thị H3 đã nộp số 19.165.341đ vào tài khoản tạm giữ của Chi cục thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn. Xét thấy các bị cáo đã thu lợi bất chính từ hành vi phạm tội và bị áp dụng hình phạt tiền nên cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án. Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định số tiền thu lời bất chính của các bị cáo và truy thu nộp ngân sách nhà nước cụ thể như sau:

Tổng số tiền M, N, L thu lợi bất chính là 177.286.569đ, tại bản án hình sự sơ thẩm số 149/2024/HS-ST ngày 07/02/2024 của TAND thành phố Thanh Hóa đã xét xử đối với M và xác định số tiền thu lời bất chính của Đặng Nguyệt M là 55.921.532đ và đã quyết định truy thu. Do đó số tiền thu lời bất chính còn lại truy thu từ Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị L là 121.365.037đ. Ngoài ra N và L độc lập bán hóa đơn không có hàng hóa của Công ty T thu lời bất chính 5.400.000đ.

Số tiền truy thu của từng bị cáo cụ thể như sau:

Truy thu của Nguyễn Thị N số tiền thu lời bất chính là 63.328.632đ.

Truy thu của Nguyễn Thị L số tiền thu lời bất chính là 63.328.632đ

Truy thu của Lê Thị H1 số tiền thu lời bất chính 12.621.838đ.

Truy thu của Lê Thị H3 số tiền thu lời bất chính 4.165.341đ.

* Đối với hành vi phạm tội của Đặng Nguyệt M: Sau khi khởi tố bị can, Cơ quan điều tra đã quyết định tách vụ án, Viện kiểm sát đã quyết định chuyển vụ án đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Thanh Hóa để điều tra theo thẩm quyền. Tại bản án số 149/2024/HS-ST ngày 07/02/2024 của TAND thành phố Thanh Hóa đã xét xử đối với M.

* Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã trực tiếp làm việc với các Công ty mà M, N, L đang làm kế toán như: Công ty TNHH TM và dịch vụ số 1 M, Công

ty cổ phần đầu tư và phát triển giáo dục I, Công ty TNHH MTV P, Công ty cổ phần xây dựng T, Công ty TNHH cơ khí chính xác Đ, Công ty TNHH B…xác định những công ty này có hoạt động kinh doanh, buôn bán thực tế, chỉ thuê M, N, L làm kế toán báo cáo thuế, không liên quan đến việc mua bán hóa đơn của các bị cáo nên Cơ quan điều tra không xử lý.

Đối với các cơ quan, tổ chức có hành vi mua trái phép hóa đơn nhưng không đủ định lượng xử lý hình sự, Công an huyện Triệu Sơn đã chuyển hồ sơ đến Cục thuế Thanh Hóa để xử phạt hành chính. Đối với các đơn vị giải trình nội dung liên quan đến việc sử dụng hóa đơn do các bị cáo bán nhưng chưa rõ căn cứ xử phạt hành chính, Cơ quan Cảnh sát điều tra chuyển hồ sơ đến Cục thuế Thanh Hóa để phối hợp với các đơn vị chức năng tiếp tục làm rõ để xử lý theo quy định.

Đối với các Công ty G, Công ty N thuê N làm kế toán, N tự ý sử dụng con dấu, chữ ký số để thực hiện hành vi mua bán trái phép hóa đơn, Giám đốc Công ty là ông Lê Hữu H5, ông Nguyễn Hoài N không biết, không có hành vi tham gia, giúp sức cho bị cáo bán hóa đơn nên không điều tra, xử lý.

Đối với các Công ty xuất hóa đơn đầu vào, các Công ty đều khai xuất hàng hóa thật, xác minh làm việc với các Công ty này đều có kho hàng, bến bãi, có hoạt động kinh doanh, N không nhớ đối tượng đã bán hóa đơn nên không có cơ sở để điều tra xử lý.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 203 Bộ luật hình sự

[1]. Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị L, Lê Thị H1, Lê Thị H3 và Nguyễn Dụng H2, phạm tội "Mua bán trái phép hóa đơn".

+ Áp dụng: Điểm d, đ khoản 2, khoản 3 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật hình sự;

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N: 20 (Hai mươi) tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 40 (Bốn mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt bổ sung Nguyễn Thị N: 20 triệu đồng sung ngân sách Nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L: 20 (Hai mươi) tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 40 (Bốn mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt bổ sung Nguyễn Thị L: 20 triệu đồng sung ngân sách Nhà nước.

+ Áp dụng: Điểm d khoản 2, khoản 3 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Thị H1: 18 (Mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 (Ba sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt bổ sung Lê Thị H1: 15 triệu đồng sung ngân sách Nhà nước.

Giao bị cáo Nguyễn Thị N và Nguyễn Thị L cho Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường P trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Giao bị cáo Lê Thị H1 cho Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường Đ trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

+ Áp dụng: Điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 35 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Dụng H2: 220.000.000đồng.

Xử phạt bị cáo Lê Thị H3: 210.000.000đồng.

[2]. Xử lý vật chứng*:* Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, khoản 2 Điều 106 BLTTHS.

- Tịch thu phát mại sung ngân sách Nhà nước 05 điện thoại di động đã qua sử dụng của Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị N, Lê Thị H1, Lê Thị H3 và Nguyễn Dụng H2, 01 laptop đã qua sử dụng của Đặng Nguyệt M.

- Tịch thu tiêu hủy 02 dấu tên giám đốc Nguyễn Hoài N; 01 dấu tên giám đốc Lê Hữu H5; 02 dấu tên giám đốc Nguyễn Dụng H2 do liên quan đến hành vi phạm tội.

- Trả lại 4 USB token của các Công ty X, Công ty G, Công ty T và Công ty N; 02 dấu tròn Công ty X; 02 dấu tròn Công ty N; 01 dấu tròn Công ty G cho chủ sở hữu; 01 chứng minh nhân dân cho Nguyễn Thị H4.

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 11.500.000đ của Nguyễn Thị N để đảm bảo cho việc thi hành án.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng số 43 - VC/2024 ngày 07/5/2024 và biên bản bổ sung việc giao nhận vật chứng ngày 15/5/2024 và Ủy nhiệm chi ngày 07/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn).

[3] Biện pháp tư pháp:

Truy thu nộp ngân sách nhà nước số tiền thu lời bất chính của các bị cáo như sau:

Truy thu của Nguyễn Thị N số tiền thu lời bất chính là 63.328.632đ.

Truy thu của Nguyễn Thị L số tiền thu lời bất chính là 63.328.632đ.

Truy thu của Lê Thị H1 số tiền thu lời bất chính 12.621.838đ.

Truy thu của Lê Thị H3 số tiền thu lời bất chính 4.165.341đ.

Tiếp tục tạm giữ số tiền các bị cáo đã nộp tại Chi cục Thi hành án huyện Triệu Sơn để đảm bảo Thi hành án cụ thể như sau:

+ Nguyễn Thị N số tiền là 79.000.000đ theo biên lai thu tiền số 0001255 ngày 10/5/2024;

+ Nguyễn Thị L số tiền là 79.000.000đ theo biên lai thu tiền số 0001254 ngày 10/5/2024;

+ Lê Thị H1 số tiền là 27.621.838đ theo biên lai thu tiền số 0001257 ngày 10/5/2024;

+ Lê Thị H3 số tiền là 19.165.341đ theo biên lai thu tiền số 0001256 ngày 10/5/2024.

[4]. Về án phí: Áp dụng: Khoản 2 Điều 136 Bộ Luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, buộc các bị cáo Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị L, Lê Thị H1, Lê Thị H3, Nguyễn Dụng H2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo: Áp dụng: Điều 331, 333 Bộ Luật tố tụng hình sự: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, đối với các bị cáo kể từ ngày tuyên án, đối với người liên quan kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Triệu Sơn;
- Công an huyện Triệu Sơn;
- Thi hành án HS; dân sự;
- Bị cáo; người liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Ngọc Tuấn